

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS
Lô CN 11+CN 12 Cụm CN An Đồng, TT.Nam Sách, H.Nam Sách, T.Hải Dương, VN
MST: 0801210129

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý III năm 2020

Báo cáo tài chính gồm có:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

HẢI DƯƠNG 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4,661,964,942,562	5,564,306,650,727
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	282,082,549,996	321,446,345,314
1. Tiền	111		202,412,549,996	255,570,865,864
2. Các khoản tương đương tiền	112		79,670,000,000	65,875,479,450
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		720,904,657,534	1,298,322,102,192
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	59,670,020,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		720,904,657,534	1,238,652,082,192
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,432,632,001,038	2,438,427,006,275
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		719,924,292,724	894,155,689,064
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		642,218,790,117	650,053,568,494
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		732,076,404,309	606,831,903,835
6. Các khoản phải thu khác	136	4.2	338,412,513,888	287,385,844,882
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		999,283,583,864	1,333,129,827,146
1. Hàng tồn kho	141	4.3	999,283,583,864	1,334,376,916,361
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1,247,089,215)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		227,062,150,130	172,981,369,800
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		42,431,909,157	34,003,902,042
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		182,199,681,608	137,622,679,944
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2,430,559,365	1,354,787,814
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5,006,146,672,393	4,423,690,235,212
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50,174,813,200	84,627,437,066
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		14,100,000,000	45,700,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	4.2	36,074,813,200	38,927,437,066
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2,847,350,647,953	2,480,644,164,978
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	2,676,410,868,126	2,346,888,241,339
<i>Nguyên giá</i>	222		3,862,229,919,594	3,338,940,951,166
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1,185,819,051,468)	(992,052,709,827)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

Lô CN11+CN12, cụm CN An Đồng, Thị trấn Nam Sách,
Huyện Nam Sách, Hải Dương

Mẫu số B01a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.5	81,473,336,751	42,275,000,002
	<i>Nguyên giá</i>	225		86,895,892,652	43,016,666,668
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(5,422,555,901)	(741,666,666)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	4.6	89,466,443,076	91,480,923,637
	<i>Nguyên giá</i>	228		105,997,925,156	104,561,738,082
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(16,531,482,080)	(13,080,814,445)
III.	Bất động sản đầu tư	230	4.7	406,687,571,620	222,816,109,964
	<i>Nguyên giá</i>	231		428,881,000,179	228,536,485,004
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(22,193,428,559)	(5,720,375,040)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		405,207,576,391	364,394,998,681
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		405,207,576,391	364,394,998,681
V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.8	325,769,969,809	313,900,361,153
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		193,299,969,809	197,294,461,153
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4,900,000,000	8,225,900,000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		127,570,000,000	108,380,000,000
V.	Tài sản dài hạn khác	260		970,956,093,420	957,307,163,370
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		369,949,245,437	285,444,045,970
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		395,189	189,900,416
3	Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4	Tài sản dài hạn khác	268		-	25,639,830,000
5	Lợi thế thương mại	269		601,006,452,794	646,033,386,984
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9,668,111,614,955	9,987,996,885,939
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		5,338,569,249,131	5,924,897,069,446
I.	Nợ ngắn hạn	310		3,248,617,736,782	3,780,899,952,418
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311		450,622,054,409	745,160,015,717
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		66,531,617,390	98,820,469,883
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		34,409,714,061	32,419,596,491
4	Phải trả người lao động	314		40,818,575,839	51,566,661,931
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		59,986,955,448	39,510,028,240
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		79,236,086,324	41,875,937,911
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.9	23,478,890,038	15,047,414,929
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.10	2,475,825,601,247	2,745,026,272,194
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		17,708,242,026	11,473,555,122
13	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		2,089,951,512,349	2,143,997,117,028
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		120,999,732,081	77,441,518,886

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

Lô CN11+CN12, cụm CN An Đồng, Thị trấn Nam Sách,
Huyện Nam Sách, Hải Dương

Mẫu số B01a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

7	Phải trả dài hạn khác	337	4.9	3,297,466,993	24,231,793,347
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.11	1,943,400,700,370	2,019,936,839,227
9	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		22,253,612,905	22,386,965,568
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B -	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4,329,542,365,824	4,063,099,816,493
I.	Vốn chủ sở hữu	410	4.12	4,329,542,365,824	4,063,099,816,493
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,466,773,390,000	1,423,773,390,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,325,624,590,000	1,282,624,590,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		141,148,800,000	141,148,800,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		657,285,989,100	485,506,089,100
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(765,240,953)	(337,778,069)
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		15,338,409,392	8,865,207,437
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105,961,947,539	188,129,122,503
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		67,119,083,364	(275,819,862,668)
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38,842,864,175	463,948,985,171
12	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2,084,947,870,746	1,957,163,785,522
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	431		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9,668,111,614,955	9,987,996,885,939

Hải Dương, ngày 28 tháng 10 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Lan

Hồ Thị Hòe

Phạm Đỗ Huy Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

Lô CN11+CN12, cụm CN An Đông, Thị trấn Nam Sách,

Huyện Nam Sách, Hải Dương

Mẫu số B02a-DN/HN

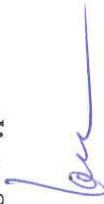
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 3 năm 2020

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III/2020	Quý III/2019	Đơn vị tính: VND	
					Từ ngày 1/1/2020 đến 30/09/2020	Từ ngày 1/1/2019 đến 30/09/2019
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.1	2,210,143,744,866	2,366,987,797,044	6,051,539,358,858	7,421,622,680,866
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		2,693,801,512	3,238,652,136	7,225,403,242	16,178,092,434
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2,207,449,943,354	2,363,749,144,908	6,044,313,955,616	7,405,444,588,432
4	Giá vốn hàng bán	5.2	1,949,518,918,917	2,164,606,410,027	5,357,509,294,490	6,540,910,444,290
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		257,931,024,438	199,142,734,881	686,804,661,127	864,534,144,142
6	Doanh thu hoạt động tài chính	5.3	50,579,327,555	41,883,574,938	148,016,702,804	183,755,585,023
7	Chi phí tài chính	5.4	74,201,603,242	65,845,257,503	223,681,116,560	227,521,879,542
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		69,681,788,284	60,324,959,266	200,732,326,813	199,244,966,918
8	Phần lãi lỗ trong cty liên kết, liên doanh		(2,578,226,285)	10,222,782,566	(8,472,592,913)	23,256,095,594
9	Chi phí bán hàng		63,465,973,612	57,806,654,702	191,462,267,861	179,466,181,975
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp		81,861,141,578	61,891,152,741	228,743,327,362	166,868,780,168
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		86,403,407,276	65,706,027,439	182,462,059,235	497,688,983,074
12	Thu nhập khác		3,852,669,796	869,347,449	35,047,450,946	10,371,540,859
13	Chi phí khác		3,583,060,711	382,189,862	4,430,298,407	2,232,363,480
14	Lợi nhuận khác		269,609,085	487,157,587	30,617,152,539	8,139,177,379
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		86,673,016,361	66,193,185,026	213,079,211,774	505,828,160,453
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		20,414,358,040	11,434,762,682	38,953,156,566	57,984,089,403
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		144,016,541	516,661,754	56,152,564	23,737,556,802
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		66,114,641,780	54,241,760,590	174,069,902,644	424,106,514,248
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cty mẹ		16,082,275,754	11,190,312,462	38,842,864,175	183,411,426,636
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		50,032,366,026	43,051,448,128	135,227,038,469	240,695,087,612

Người lập



Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng



Hồ Thị Hòe

Hải Dương, ngày 28 tháng 10 năm 2020

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Đỗ Huy Cường

MSPN: 080121

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

Đơn vị tính: VND

SO TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		213,079,211,774	505,828,160,453
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		302,989,071,461	207,217,173,598
-	Các khoản dự phòng	03		(1,247,089,215)	(2,750,517,531)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các kl	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(124,858,197,725)	(177,217,345,968)
-	Chi phí lãi vay	06		204,867,182,869	202,881,489,642
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		594,830,179,164	735,958,960,194
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		188,459,712,900	(698,262,233,979)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		255,303,027,058	(164,833,069,694)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(272,872,080,152)	495,857,845,985
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(11,880,170,989)	(24,797,880,573)
-	Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		59,670,020,000	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(185,299,412,010)	(177,216,950,713)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(38,419,054,782)	(40,679,262,166)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(59,061,680,854)	(38,321,410,725)
	<i>LCT thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		530,730,540,335	87,705,998,329
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TSDH khác	21		(257,291,692,603)	(356,053,484,608)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		17,647,416,749	1,990,302,364
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23		(1,671,985,303,454)	(1,361,344,295,230)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24		2,023,083,627,638	1,005,089,535,669
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(637,476,240,840)	(592,274,237,624)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		174,534,931,414	113,039,042,569
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		110,921,406,314	65,910,545,167
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(240,565,854,782)	(1,123,642,591,693)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành CP, nhận góp vốn của CSH	31		325,501,527,500	140,386,000,000
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5,752,439,000,814	6,730,072,193,694
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6,329,045,752,091)	(6,197,605,631,376)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(6,276,643,058)	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(71,719,151,152)	(55,456,106,365)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(329,101,017,987)	617,396,455,953
	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		(38,936,332,434)	(418,540,137,411)
	<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		321,446,345,314	652,350,371,008
	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái QĐ ngoại tệ</i>	61		(427,462,884)	(460,239,695)
	<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70		282,082,549,996	233,349,993,902

Hải Dương, ngày 28 tháng 10 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan

Hồ Thị Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Đỗ Huy Cường



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2020****1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 7 tháng 7 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp của Công ty và các công ty con bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp cho đến thời điểm hoàn thành và bàn giao cho khách hàng, do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp của Công ty và các công ty con có thể kéo dài trên 12 tháng. Chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động thông thường khác là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020, Công ty có 12 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 11 công ty con) với chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	53,18	53,18	Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (*)	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiên, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	35,02	64,77	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa
3	Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (*)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	53,18	100	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
4	Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (*)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	47,50	89,33	Phát triển và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp
5	An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd (*)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	35,02	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ		Hoạt động chính
			lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
6	Công ty Cổ phần An Thành Biscol (*)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	40,26	99,37	Kinh doanh hạt nhựa
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (*)	Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	24,51	70	Vận tải hàng hóa
8	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	62,89	69,69	Sản xuất linh kiện, phụ kiện nhựa ngành ô tô, xe máy, linh kiện nhựa điện tử
9	Công ty TNHH An Trung Industries (*)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	62,89	100	Sản xuất hạt nhựa, các sản phẩm nhựa
10	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM (*)	Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	62,89	100	Sản xuất linh kiện, phụ kiện nhựa ngành ô tô, xe máy, linh kiện nhựa điện tử
11	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (*)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	62,89	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.
12	Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh (*)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	31,27	57,73	Sản xuất sản phẩm nhựa bao bì từ sợi PE, PP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (TIẾP THEO)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

(*) Công ty sở hữu các công ty con này gián tiếp qua công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2 CƠ SỞ TRÌNH BÀY (TIẾP THEO)

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ hoạt động từ 1/1/2020 đến 30/09/2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty và các công ty con chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của công ty mẹ chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con và giữa các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc lỗ lũy kế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản khu công nghiệp được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty và các công ty con, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa bất động sản đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí đầu giá quyền sử dụng đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, chi phí quản lý xây dựng chung, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích hoặc giá trị hợp lý tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu,
công cụ, dụng cụ, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất
kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng
chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ
dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo
phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	5 - 30 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	18 - 49 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	8 - 10 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 năm
Tài sản khác	6 - 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Quyền sử dụng đất tương ứng với các lô đất cho thuê hoặc sử dụng;
- ▶ Chi phí trả trước về thuê đất và thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con nhưng không mất quyền kiểm soát

Khi Công ty mua thêm lợi ích trong công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần lợi ích mua thêm được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc lỗ lũy kế.

Khi Công ty chuyển nhượng một phần lợi ích trong công ty con mà không mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của phần lợi ích đã chuyển nhượng được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc lỗ lũy kế.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và các công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cản trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty và các công ty con trong trường hợp cần thiết.

Trường hợp Công ty và các công ty con tăng tỷ lệ lợi ích trong công ty liên kết nhưng chưa có quyền kiểm soát trong công ty liên kết này, khoản đầu tư tăng lên trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp giá gốc.

Trường hợp Công ty và các công ty con tăng tỷ lệ lợi ích trong công ty liên kết, khi đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư của công ty liên kết được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Phân chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty dừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ thời điểm khoản đầu tư không còn là công ty liên kết. Phần lãi/(lỗ) từ việc thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Công ty và các công ty con vào công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Công ty và các công ty con vào công ty liên doanh được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong tài sản thuần của công ty liên doanh sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên doanh sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên doanh được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của công ty liên doanh được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Báo cáo tài chính của công ty liên doanh được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty và các công ty con trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Trường hợp Công ty có một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc giảm vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Người mua trả tiền trước

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua hàng hóa hoặc dịch vụ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản “Người mua trả tiền trước” trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của Công ty An Thành Singapore, một công ty con của Công ty, được chuyển đổi sang VND dựa trên:

- ▶ Báo cáo tài chính được trình bày bằng USD và được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- ▶ Hướng dẫn về việc chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng USD sang báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND của Thông tư 200/2014-TT/BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.
- ▶ Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.16 Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc người phát hành phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu phải được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu. Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu nếu người phát hành không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

3.17 Trái phiếu kèm chứng quyền

Trái phiếu kèm chứng quyền với điều khoản chứng quyền có thể thực hiện quyền mua cổ phần của Công ty hoặc các công ty con, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần chứng quyền có thể thực hiện quyền mua cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu nêu trên (do không thể xác định được chắc chắn số lượng cổ phiếu phổ thông có thể được phát hành cho việc nhà đầu tư thực hiện quyền mua của chứng quyền) và đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả dài hạn.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.18 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng trên đất

Doanh thu cho thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng trên đất được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích trọng yếu gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua và doanh thu có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn.

Doanh thu cho thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng trên đất cũng bao gồm doanh thu ghi nhận một lần từ việc cho thuê dài hạn bất động sản. Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty và các công ty con lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu một lần nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- ▶ Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- ▶ Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu bán nhà xưởng

Doanh thu bán nhà xưởng được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích trọng yếu gắn liền với quyền sở hữu nhà xưởng được chuyển giao cho người mua và doanh thu có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn.

Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư

Doanh thu cho thuê bất động sản theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1,687,596,002	11,332,620,673
Tiền gửi ngân hàng	199,905,674,800	241,015,862,361
Tiền đang chuyển	819,279,194	3,222,382,830
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	79,670,000,000	65,875,479,450
Cộng	282,082,549,996	321,446,345,314

4.2. Phải thu khác

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	67,915,903,474	31,309,096,450
Ký quỹ, ký cược	179,529,208,465	182,725,738,155
Phải thu khác	90,967,401,949	73,351,010,277
Cộng	338,412,513,888	287,385,844,882
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3,667,941,641	5,439,572,646
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	16,058,928,559	16,428,571,420
Phải thu khác	16,347,943,000	17,059,293,000
Cộng	36,074,813,200	38,927,437,066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.3. Hàng tồn kho

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	49,074,519,054	162,443,352,129
Nguyên liệu, vật liệu	298,452,643,810	450,096,644,127
Công cụ dụng cụ	33,376,111,583	38,555,008,541
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thành phẩm	46,666,638,552	36,969,665,255
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang công trình	280,420,489,643	318,652,760,761
Thành phẩm	123,708,662,452	169,716,702,486
Hàng hóa	167,584,518,770	157,222,682,833
Hàng gửi bán	-	720,100,229
Cộng	999,283,583,864	1,334,376,916,361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.4. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	Tài sản cố định khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2020	813,148,979,596	2,139,695,614,716	324,707,172,590	16,053,169,995	15,517,020,000	29,818,994,269	3,338,940,951,166
Mua trong năm	-	78,917,683,284	3,307,731,964	3,819,628,274	-	-	86,045,043,522
Đầu tư XDCB hoàn thành	26,486,803,755	5,925,983,299	-	-	-	2,407,557,090	34,820,344,144
Thanh lý, nhượng bán	-	(44,316,836,066)	(9,874,201,176)	-	-	-	(54,191,037,242)
Mua công ty con	221,035,895,640	233,206,789,656	2,227,645,632	30,484,993	-	113,802,083	456,614,618,004
Tại ngày 30/09/2020	1,060,671,678,991	2,413,429,234,889	320,368,349,010	19,903,283,262	15,517,020,000	32,340,353,442	3,862,229,919,594

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2020	136,881,704,514	715,308,998,987	116,011,169,423	5,003,878,512	7,086,859,576	11,760,098,815	992,052,709,827
Khấu hao trong kỳ	34,849,104,831	157,159,050,590	27,810,032,011	2,209,841,458	545,910,378	2,590,322,877	225,164,262,145
Thanh lý, nhượng bán	-	(24,009,377,736)	(7,388,542,768)	-	-	-	(31,397,920,504)
Tại ngày 30/09/2020	171,730,809,345	848,458,671,841	136,432,658,666	7,213,719,970	7,632,769,954	14,350,421,692	1,185,819,051,468

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2020	676,267,275,082	1,424,386,615,729	208,696,003,167	11,049,291,483	8,430,160,424	18,058,895,454	2,346,888,241,339
Tại ngày 30/09/2020	888,940,869,646	1,564,970,563,048	183,935,690,344	12,689,563,292	7,884,250,046	17,989,931,750	2,676,410,868,126

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.5. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2020	43,016,666,668	43,016,666,668
Tăng trong kỳ	43,879,225,984	43,879,225,984
Tại ngày 30/09/2020	86,895,892,652	86,895,892,652
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2020	741,666,666	741,666,666
Khấu hao trong kỳ	4,680,889,235	4,680,889,235
Tại ngày 30/09/2020	5,422,555,901	5,422,555,901
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2020	42,275,000,002	42,275,000,002
Tại ngày 30/09/2020	81,473,336,751	81,473,336,751

4.6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2020	94,014,058,865	10,547,679,217	104,561,738,082
Tăng trong kỳ	-	1,378,675,865	1,378,675,865
Tại ngày 30/09/2020	94,014,058,865	11,983,866,291	105,997,925,156
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2020	12,501,206,331	579,608,114	13,080,814,445
Khấu hao trong kỳ	2,143,383,138	1,307,284,497	3,450,667,635
Tại ngày 30/09/2020	14,644,589,469	1,886,892,611	16,531,482,080
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	81,512,852,534	9,968,071,103	91,480,923,637
Tại ngày 30/09/2020	79,369,469,396	10,096,973,680	89,466,443,076

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.7. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2020	175,801,488,156	36,395,031,765	2,851,715,129	13,488,249,954	228,536,485,004
Đầu tư XD/CB hoàn thành	157,294,060,349	36,156,102,525	-	6,894,352,301	200,344,515,175
Tại ngày 30/09/2020	333,095,548,505	72,551,134,290	2,851,715,129	20,382,602,255	428,881,000,179
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2020	2,987,066,178	1,807,374,856	210,259,100	715,674,906	5,720,375,040
Khấu hao trong kỳ	9,475,725,380	5,075,664,074	360,923,274	1,560,740,791	16,473,053,519
Tại ngày 30/09/2020	12,462,791,558	6,883,038,930	571,182,374	2,276,415,697	22,193,428,559
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	172,814,421,978	34,587,656,909	2,641,456,029	12,772,575,048	222,816,109,964
Tại ngày 30/09/2020	320,632,756,947	65,668,095,360	2,280,532,755	18,106,186,558	406,687,571,620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.8. Các khoản đầu tư

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	193,299,969,809	-	197,294,461,153	-
Công ty cổ phần nhựa bao bì Vĩnh	87,495,563,972	-	67,949,784,218	-
Công ty cổ phần giải pháp và dịch vụ phần mềm Nam Việt	-	-	16,680,440,814	-
Công ty cổ phần sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam	25,225,561,340	-	15,179,449,802	-
Công ty Cổ phần dịch vụ xăng dầu An Đông	600,000,000	-	-	-
Công ty TNHH lĩnh kiện nhựa ô tô Vinfast - An Phát	79,978,844,497	-	97,484,786,319	-
Đầu tư vào đơn vị khác	4,900,000,000	-	8,225,900,000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	127,570,000,000	-	108,380,000,000	-
Tổng cộng	325,769,969,809	-	313,900,361,153	-
			48,088,495,800	
				29,443,504,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả khác

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1,266,395,043	1,257,158,449
Bảo hiểm xã hội	556,858,105	2,395,005
Bảo hiểm y tế	17,265,046	601,914
Cổ tức phải trả	29,620,000	1,523,725,260
Bảo hiểm thất nghiệp	9,769,149	2,141,101
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21,598,982,695	6,436,372,620
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	5,825,020,580
Cộng	23,478,890,038	15,047,414,929
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn hạn	3,297,466,993	24,231,793,347
Cộng	3,297,466,993	24,231,793,347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vay tổ chức	2,410,157,657,919	2,402,452,608,516
CN Công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn tại Hà Nội_Margin	-	49,587
Công ty cổ phần chứng khoán Techcombank (BB)	28,530,558,171	29,557,782,313
Công ty TNHH chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	20,134,271,091	18,726,041,052
Công ty Cổ phần Xây lắp ANI	-	1,000,000,000
Công ty Cổ phần Phát triển Daisen	-	-
Công ty Cổ phần Xơ Sợi Tổng hợp An Sơn	-	3,000,000,000
Công ty CP Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	3,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Giải Pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	4,700,000,000	6,000,000,000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	695,779,255,115	766,069,434,895
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Hải Dương	57,489,695,557	131,986,655,268
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Dương	-	196,525,945,183
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương	168,344,688,813	260,902,852,484
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	20,000,000,000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở giao dịch I	385,939,742,499	230,388,018,279
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương	340,110,865,178	275,220,742,481
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành	13,514,262,457	47,311,182,235
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Dương	99,209,841,771	67,171,036,853
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam - CN Hà Nội	71,261,052,639	77,532,543,940
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hải Dương	34,688,014,946	80,683,379,405

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp Theo)

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - CN Hà Nội	131,182,514,428	172,893,418,417
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội	45,508,063,875	14,050,282,205
Ngân hàng TMCP Phương Đông- CN Thăng Long	52,556,376,621	-
Ngân hàng Malayan banking berhad - CN Hà Nội (Maybank)	18,408,242,668	23,433,243,919
Ngân Hàng Công Thương Trung Quốc ICBC - CN Hà Nội	21,820,493,185	15,403,693,170
Ngân hàng Standard Chartered	9,035,229,060	14,274,927,920
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	69,520,969,229
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội (UOB)	65,439,042,066	99,116,490,532
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	33,657,543,283	18,585,577,597
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN SGD	50,845,272,827	4,358,619,155
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hai Bà Trưng	39,002,631,669	76,288,830,099
Khoản vay hợp vốn	48,000,000,000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	17,667,943,328	45,024,555,976
Cộng	2,475,825,601,247	2,745,026,272,194

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.12. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
I. Vay tổ chức	708,408,979,813	1,005,174,505,079
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở giao dịch I	9,960,706,651	16,884,491,098
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương	17,000,000,000	27,200,000,000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	42,891,362,500	50,737,515,649
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Hải Dương	750,000,000	5,245,450,000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Dương	226,943,345,600	286,148,398,400
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	115,693,514,059	171,044,254,267
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội	658,098,412	833,114,758
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	29,783,200,000	22,725,800,000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN SGD	59,701,469,591	129,603,223,907
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hải Dương	120,000,000,000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	85,027,283,000	14,152,257,000
Công ty TNHH Phát triển YOTEI	-	50,000,000,000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Everland	-	130,600,000,000
Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Yamato	-	100,000,000,000
II. Vay cá nhân	-	26,000,000,000
Nguyễn Kim Dương	-	26,000,000,000
III. Trái phiếu phát hành	1,021,933,356,051	770,998,499,995
IV. Khoản vay hợp vốn	187,275,993,098	233,251,515,140
V. Vay dài hạn đến hạn trả	(17,667,943,328)	(45,024,555,976)
Nợ thuê tài chính	43,450,314,736	29,536,874,989
Cộng	1,943,400,700,370	2,019,936,839,227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.13. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2019	1,282,943,480,000	274,415,220,000	(39,715,243)	4,342,704,908	(264,084,110,602)	1,635,941,927,173	2,933,519,506,236
Vốn góp tăng trong năm	140,829,910,000	211,090,869,100	-	-	-	-	351,920,779,100
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	437,962,861,067	273,774,875,760	711,737,736,827
Trích lập quỹ thuộc vốn CSH	-	-	-	4,522,502,529	(4,522,502,529)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(20,787,385,605)	(23,696,014,051)	(44,483,399,656)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(10,896,142,686)	(51,006,418,000)	(61,902,560,686)
Mua thêm 1 phần lợi ích trong các công ty con	-	-	-	-	42,534,999,966	(80,441,274,243)	(37,906,274,277)
Mua mới công ty con	-	-	-	-	-	214,132,203,630	214,132,203,630
Tăng giảm tỷ giá do chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	(298,062,826)	-	-	-	(298,062,826)
Thoái công ty con	-	-	-	-	521,933,677	(15,452,650,889)	(14,930,717,212)
Giảm tỷ lệ sở hữu công ty con không mất quyền kiểm soát	-	-	-	-	4,825,333,145	6,874,666,855	11,700,000,000
Tăng, giảm khác	-	-	-	-	2,574,136,070	(2,963,530,713)	(389,394,643)
Số dư tại ngày 01/01/2020	1,423,773,390,000	485,506,089,100	(337,778,069)	8,865,207,437	188,129,122,503	1,957,163,785,522	4,063,099,816,493
Vốn góp tăng trong năm	43,000,000,000	171,779,900,000	-	-	-	130,731,627,500	345,511,527,500
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	38,842,864,175	135,227,038,469	174,069,902,644
Trích lập quỹ thuộc vốn CSH	-	-	-	20,180,142,550	(20,180,142,550)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(13,706,940,595)	(18,923,187,229)	(32,891,261,849)	(65,521,389,673)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(8,203,488,658)	(63,557,797,494)	(71,761,286,152)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	(71,663,674,825)	(41,725,521,402)	(113,389,196,227)
Tăng giảm tỷ giá do chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	(427,462,884)	-	-	-	(427,462,884)
Tăng, giảm khác	-	-	-	-	(2,039,545,877)	-	(2,039,545,877)
Số dư tại ngày 30/09/2020	1,466,773,390,000	657,285,989,100	(765,240,953)	15,338,409,392	105,961,947,539	2,084,947,870,746	4,329,542,365,824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng

	Quý III/2020	Quý III/2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III/2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III/2019
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	842,543,685,459	1,306,635,454,029	2,367,295,247,433	3,669,336,746,163
Doanh thu bán thành phẩm	1,324,254,861,220	1,024,893,360,807	3,574,903,256,532	2,996,913,170,531
Doanh thu dịch vụ	21,597,916,129	19,047,993,204	56,685,703,936	47,487,442,220
Doanh thu công trình	-	-	-	96,210,864
Doanh thu khác	29,741,445	6,374,051,585	2,511,235,345	12,323,807,448
Doanh thu cho thuê bất động sản	21,717,540,613	10,036,937,419	50,143,915,612	10,036,937,419
Doanh thu cho thuê đất	-	-	-	229,648,062,000
Doanh thu bán nhà xưởng	-	-	-	455,780,304,221
Cộng	2,210,143,744,866	2,366,987,797,044	6,051,539,358,858	7,421,622,680,866

5.2 Giá vốn hàng bán

	Quý III/2020	Quý III/2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III/2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III/2019
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	801,760,698,465	1,272,963,442,487	2,266,961,388,128	3,578,019,918,020
Giá vốn bán thành phẩm	1,125,387,948,552	875,142,661,108	3,032,826,092,582	2,536,676,667,978
Giá vốn cung cấp dịch vụ	14,264,390,511	9,414,654,112	36,848,265,443	22,061,589,642
Giá vốn công trình	-	-	-	75,931,173
Giá vốn khác	22,100,427	4,138,009,766	1,875,105,992	9,823,924,628
Giá vốn cho thuê bất động sản	8,051,785,675	2,947,642,554	18,397,590,963	2,947,642,554
Giá vốn cho thuê đất	-	-	-	88,292,076,512
Giá vốn bán nhà xưởng	31,995,287	-	600,851,382	303,012,693,783
Cộng	1,949,518,918,917	2,164,606,410,027	5,357,509,294,490	6,540,910,444,290

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III/2020	Quý III/2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III/2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III/2019
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	29,962,964,888	25,352,034,835	97,063,566,147	80,798,507,755
Lãi bán các khoản đầu tư	8,590,042,500	-	21,701,549,925	72,552,926,142
Lãi chênh lệch tỷ giá	12,538,480,906	16,036,105,391	29,193,006,140	28,919,846,987
Doanh thu hoạt động tài chính khác	(512,160,739)	495,434,713	58,580,592	1,484,304,139
Cộng	50,579,327,555	41,883,574,939	148,016,702,804	183,755,585,023

5.4 Chi phí tài chính

	Quý III/2020	Quý III/2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III/2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III/2019
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền vay	69,681,788,284	57,857,277,450	200,732,326,813	199,244,966,918
Chi phí phát hành trái phiếu	1,667,174,240	3,636,522,724	4,134,856,056	3,636,522,724
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3,186,100,008	3,366,627,818	16,349,887,265	23,418,519,299
Chi phí tài chính khác	(333,459,290)	984,829,511	2,464,046,426	1,221,870,601
Cộng	74,201,603,242	65,845,257,503	223,681,116,560	227,521,879,542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Danh mục các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì Vinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải Pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	Công ty liên kết (Đến 30/6/2020)
Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan

	9 tháng/2020	9 tháng/2019
	VND	VND
Doanh Thu bán hàng	11,567,287,014	66,999,296,369
Công ty Cổ phần nhựa Hà Nội	-	66,999,296,369
Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát	2,810,105,660	-
Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam	8,757,181,354	-
Mua hàng hóa dịch vụ	55,185,489,533	65,614,734,683
Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam	53,712,435,468	-
Công ty Cổ phần nhựa Hà Nội	-	65,614,734,683
Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast – Công ty Cổ phần Giải Pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	1,068,857,865	-
Công ty Cổ phần Giải Pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	404,196,200	-
Mua tài sản cố định	342,320,000	-
Công ty Cổ phần Giải Pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	342,320,000	-
Lãi vay	283,112,328	-
Công ty Cổ phần Giải Pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	283,112,328	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư với các bên liên quan

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu hàng hóa dịch vụ	1,339,099,549	7,212,297,356
Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam	1,113,904,848	-
Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát	225,194,701	7,212,297,356
Phải thu khác	48,540,942	-
Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam	29,259,702	-
Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát	19,281,240	-
Người mua trả tiền trước	2,165,646,068	-
Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát	2,165,646,068	-
Trả trước cho người bán	-	357,724,400
Công ty Cổ phần Giải Pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	-	357,724,400
Phải trả cho người bán	8,455,350,378	377,164,453
Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam	8,283,775,678	-
Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát	171,574,700	377,164,453
Phải trả khác	94,772,602	241,972,602
Công ty Cổ phần Giải Pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	94,772,602	241,972,602
Vay	7,700,000,000	6,000,000,000
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	3,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Giải Pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	4,700,000,000	6,000,000,000

Người lập

Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòa

Hải Dương, ngày 28 tháng 10 năm 2020

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Đỗ Huy Cường